

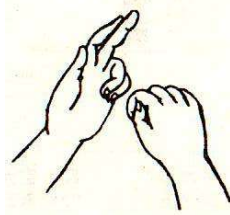
THẬP THIÊN NGHI QUỸ

Hán dịch: Không rõ tên người dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

Đông Bắc Phương Tự Tại Thiên Ấn :

Tay phải nắm quyền để ngay eo lưng. Dựng thẳng 5 ngón tay trái dính nhau, co lỏng giữa 2 ngón Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh); 3 ngón Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) đều hơi cách nhau, liền thành.



Chân Ngôn là :

“**Năng ma tam mãn đá bột đà nam. Ấn, I xá năng duệ, sa phộc ha**”

ॐ नमः समन्ता बुद्धानाम् ॐ इत्यनेन सूक्तं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM I'SANĀYE SVĀHĀ

Hoặc Chân Ngôn là: “**Ấn lỗ nại la gia, sa bà ha**”

ॐ रुद्राय सूक्तं

OM _ RUDRĀYA SVĀHĀ

Đông Phương Đế Thích Thiên Ấn:

Tay phải giống như trước, Dựng thẳng 5 ngón tay trái dính nhau, co lỏng giữa của 2 ngón Địa (ngón út) Thủy (Ngón vô danh). Đem Phong (ngón trỏ) vịn dính lưng Hỏa (ngón giữa), co lỏng giữa của ngón Không (ngón cái).



Chân Ngôn là :

“**Ấn, nhân nại la gia, sa phộc hạ**”

ॐ इत्यनेन सूक्तं

OM _ INDRĀYA SVĀHĀ

Lại có Chân Ngôn là: “**Ấn, chúc yết tha, sa phộc ha**”

ॐ शक्राय सूक्तं

OM _ 'SĀKRA SVĀHĀ

Đông Nam Phương Hỏa Thiên Ấn:

Tay trái nắm quyền đặt ở eo trái. Dựng thẳng 5 ngón tay phải cùng dính nhau. Co Không (ngón cái) dính trong lòng bàn tay, co lóng giữa của ngón Phong (ngón trỏ) cùng với **Sa Bà Ha** (Svànhà) triệu mời.



Chân Ngôn là :

“An, a ngã na duệ, sa bà ha”

ॐ ऀ ँ ं ः ऄ अ आ इ ई उ

OM _ AGNÀYE SVÀHÀ

Nam Phương Diễm Ma Thiên Ấn:

Chấp 2 tay lại. Co lóng giữa của 2 Địa (2 ngón út) sao cho dính lưng nhau, cũng co dính lưng 2 Phong (2 ngón trỏ), đem 2 ngón cái đè lóng giữa 2 Phong (2 ngón trỏ) liền thành.



Chân Ngôn là :

An, diễm ma gia, sa phộc ha

ॐ ँ ं ः ऄ अ आ इ ई उ

OM _ YAMMÀYA SVÀHÀ

[Hoặc Chân Ngôn là:

ॐ ँ ं ः ऄ अ आ इ ई उ

OM _ YAMÀYA SVÀHÀ]

Tây Nam Phương La Sát Thiên Ấn:

Tay phải nắm quyền đặt ở eo lưng. Dựng thẳng 5 ngón tay trái dính nhau, co lóng giữa của Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh), đem đầu ngón Không (ngón cái) đè móng 2 ngón Địa Thủy (ngón út và ngón vô danh) liền thành.



Chân Ngôn là:

“An, địa li để duệ, sa phộc ha”

ॐ ँ ं ः ऄ अ आ इ ई उ

OM _ NRTYE SVÀHÀ

Tây Phương Thủy Thiên Ấn:

Tay phải như trước. Tay trái nắm quyền đờng cho ngón Không (ngón cái) vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón Phong (ngón trỏ) rồi hơi co lóng giữa liền thành.



Chân Ngôn là :

“Ấn, phộc lỗ noa gia, sa phộc ha”

ॐ वरुणाय स्वहा

OM _ VARUNÀYA SVÀHÀ

Tây Bắc Phương Phong Thiên Ấn :

Tay phải như trước. Dựng thẳng 5 ngón tay trái cùng dính nhau, co lóng giữa của Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) liền thành.



Chân Ngôn là :

“Ấn, phộc gia phệ, sa phộc ha”

ॐ वायवे स्वहा

OM _ VÀYÀVE SVÀHÀ

Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Ấn :

Chấp 2 tay lại sao cho 10 ngón tay cài chéo nhau trong lòng bàn tay. Dựng thẳng 2 Thủy (2 ngón vô danh) sao cho đầu ngón dính nhau, hơi co cứng 2 Phong (2 ngón trỏ), đưa ngón Không bên trái (ngón cái trái) vào trong lòng bàn tay phải và đè lên móng Hỏa trái (ngón giữa trái), đưa ngón Không bên phải (ngón cái phải) vào trong lòng bàn tay trái vượt lên lưng ngón Không trái (ngón cái trái) và đè ngón Hỏa phải (ngón giữa phải), 2 Phong (2 ngón trỏ) cùng với HA (ॐ: HÀ) triệu mời.



Chân Ngôn là :

“An, phệ thất la phộc na gia, sa phộc ha”

ॐ वीश्रवाणाय नमः

OM _ VAI'SRAVAṆĀYA SVĀHĀ

Thượng Phương Phạm Thiên Ấn :

Tay phải nắm quyền đặt ở eo lưng phải. Dựng thẳng 5 ngón tay trái cùng dính nhau, hơi co lại rồi đưa tay cao lên hơi vượt hơn lông mày liền thành tướng hoa sen.



Chân Ngôn là :

“An, một la hàm ma ninh, sa phộc ha”

ॐ ब्रह्मणे नमः

OM _ BRAHMAṆE SVĀHĀ

Hạ Phương Địa Thiên Ấn :

Chấp 2 tay lại. 4 ngón từ Phong (ngón trỏ) trở xuống cùng dính đầu ngón, phương trước mở lớn, 2 Không (2 ngón cái) đều dính bên cạnh Phong (ngón trỏ).



Chân Ngôn là :

“An, tất-ly thể vĩ duệ, sa phộc ha”

ॐ पृथिवीयै नमः

OM _ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

Nhật Thiên Ấn :

Chẳng khác Địa Ấn lúc trước, chỉ đặt đầu 2 Phong (2 ngón trỏ) đều vịn lóng dưới của Thủy (2 ngón vô danh) .



Chân Ngôn là :

“An, A nễ để dã , sa phộc ha”

ॐ अदित्यै नमः

OM _ ĀDITYA SVĀHĀ

Nguyệt Thiên Ấn :

Như Phạm Thiên Ấn lúc trước, chỉ tác tướng mặt trăng có màu trắng tinh ở trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là :

“Ấn, chiến nại la dã , sa phộc ha”

ॐ वक्रय सूक्त

OM _ CANDRÀYA SVÀHÀ

Thất Diệu Ấn :

Chắp 2 tay lại sao cho 10 ngón tay dính nhau, cùng mở hết cỡ 2 Phong (2 ngón trỏ) và 2 Địa (2 ngón út).



Chân Ngôn là :

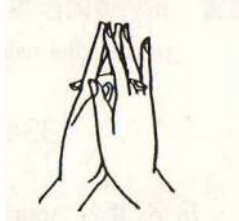
“Nghịet-la hê thấp-phộc lệ gia bát-la bá-đa nhi-dụ để la ma gia, sa phộc ha”

ॐ ग्रहण प्रपञ्च ज्योतिर्मय सूक्त

OM _ GRAHE'SVARYA PRÀPTA JYOTIRMAYA _ SVÀHÀ

Nhị Thập Bát Tú Ấn :

Chắp 2 tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng). 2 Hỏa (2 ngón giữa) cùng cài chéo nhau bên ngoài, 2 Không (2 ngón cái) cũng cài chéo nhau.



Chân Ngôn là :

“Nhược khát-sai đát-la niết tô na nễ duệ, sa phộc ha”

ॐ नक्षत्र निरजा दानिये सूक्त

OM _ NAKŞATRA NIRJA DANIYE _ SVÀHÀ

THẬP THIÊN CÚNG DƯỜNG QUỶ

Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/07/2011